

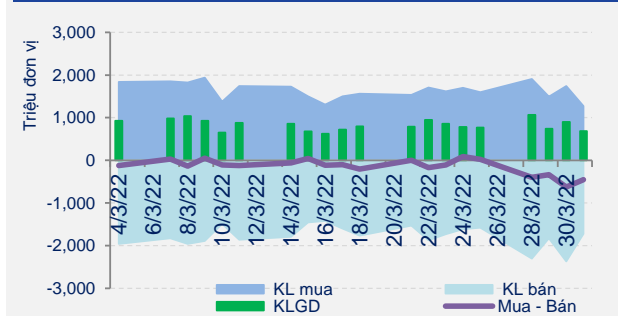
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/3/2022

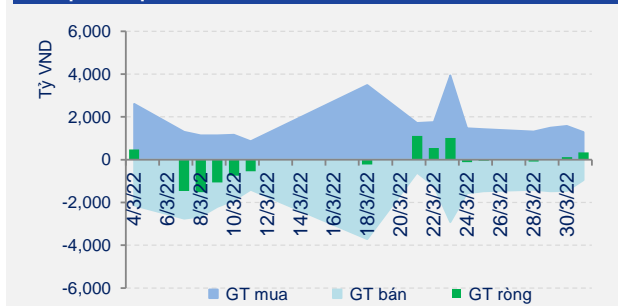
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,492.15	449.62
% Thay đổi	↑ 0.11%	↓ -0.35%
KLGD (CP)	684,539,320	122,106,318
GTGD (tỷ đồng)	21,803.61	3,346.12
Tổng cung (CP)	1,719,591,400	180,829,800
Tổng cầu (CP)	1,269,202,100	149,813,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	25,867,800	698,358
KL mua (CP)	26,425,600	714,436
GT mua (tỷ đồng)	1,284.80	21.34
GT bán (tỷ đồng)	947.03	25.47
GT ròng (tỷ đồng)	337.76	(4.14)

### Tương quan cung cầu



### Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.76%	23.6	4.0	2.6%
Công nghiệp	↓ -0.16%	23.8	3.3	14.7%
Dầu khí	↓ -0.75%	19.0	2.1	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.03%	-	10.7	4.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.08%	16.6	2.6	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.07%	19.3	3.6	9.9%
Ngân hàng	↑ 0.31%	12.3	2.4	14.5%
Nguyên vật liệu	↓ -0.89%	10.6	2.6	19.7%
Tài chính	↑ 0.04%	21.8	3.2	29.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.96%	18.1	2.8	1.4%
VN - Index	↑ 0.11%	17.3	3.2	
HNX - Index	↓ -0.35%	22.1	3.7	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường thế giới khá êm đềm trong phiên đêm qua với việc chứng khoán Mỹ giảm nhẹ và các loại hàng hóa vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh. Thị trường trong nước hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với mức thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó thể hiện việc tâm lý nhà đầu tư vẫn đang thận trọng ở thời điểm hiện tại. Cụ thể, VN-Index tăng 1,64 điểm (+0,11%) lên 1.492,15 điểm. Mặc dù tăng điểm nhưng độ rộng thị trường vẫn nghiêng về tiêu cực với 179 mã tăng (8 mã tăng trần), 60 mã tham chiếu, 261 mã giảm (15 mã giảm sàn). Cổ phiếu "họ FLC" tiếp tục bị bán mạnh và nằm sàn trong phiên hôm nay như AMD (-6,9%), HAI (-6,9%), FLC (-6,8%), ROS (-7%), ART (-9,1%); chỉ có KLF (-7,4%) là thoát được cảnh giảm sàn. Giá dầu thế giới tiếp tục hạ nhiệt khiến cho nhóm dầu khí bị bán tương đối mạnh và đồng loạt giảm PVS (-2,8%), PVD (-3,1%), BSR (-2,2%), OIL (-3,8%), PVC (-5,4%), PSH (-3,7%)... Nhóm cổ phiếu hóa chất cũng bị bán mạnh khi mà giá hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm trong đêm qua với DGC (-1,7%), DCM (-3,5%), DPM (-1,9%), DDV (-4,7%), CSV (-2,3%)... Nhóm cổ phiếu thép cũng có một phiên giao dịch ảm đạm với HPG (-0,9%), NKG (-4,2%), HSG (-3,6%), SMC (-6,5%), TLH (-1%), TVN (-3,1%)... Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (+0,55%) hồi phục tốt hơn thị trường chung với 19/30 mã tăng giá, tiêu biểu có thể kể đến như VNM (+6,2%), VRE (+2,9%), PNJ (+2%), ACB (+1,4%), CTG (+1,2%), VPB (+1,1%), MWG (+1%)... đóng góp phần lớn vào mức tăng của thị trường chung. Riêng cổ phiếu VNM (+6,2%) đã đóng góp 2,499 điểm cho chỉ số VN-Index.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giảm nhẹ hôm qua, tâm lý thị trường đã có phần ổn định hơn trong phiên giao dịch hôm nay giúp chỉ số VN-Index hồi phục nhẹ. Mặc dù tâm lý nhà đầu tư vẫn có sự thận trọng thể hiện qua việc thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Tuy vậy, nếu xét về bối cảnh thị trường với những tin tức bất lợi từ cả trong nước và quốc tế thì diễn biến của thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian gần đây vẫn là tương đối tích cực. Vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm vẫn được giữ vững và sẽ tiếp tục hỗ trợ thị trường trong thời gian tới. Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 1/4, thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước đó trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và canh chốt lời nếu thị trường tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/3/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.498,41 điểm. Cũng có thời điểm trong phiên chiều, áp lực bán gia tăng có lúc khiến chỉ số giảm xuống dưới ngưỡng tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.488,27 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 1,64 điểm (+0,11%) lên 1.492,15 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VNM tăng 4.700 đồng, VRE tăng 950 đồng, CTG tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 1.800 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 453,71 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số điều chỉnh xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 449,3 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 1,57 điểm (-0,35%) xuống 449,62 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT giảm 3.800 đồng, CEO giảm 1.900 đồng, PVS giảm 1.000 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 900 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 337,94 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,6 triệu cổ phiếu. VNM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 217,3 tỷ đồng tương ứng với 2,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là DGC với 182,6 tỷ đồng tương ứng với 787,5 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 156 tỷ đồng tương ứng với 2,1 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 4,45 tỷ đồng. NVB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,5 tỷ đồng tương ứng với 307,3 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 4,8 tỷ đồng tương ứng với 118,4 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,8 tỷ đồng tương ứng với 51 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu mua vào vẫn chưa thực sự mạnh do tâm lý thận trọng từ nhà đầu tư.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ kỹ thuật thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay (-0,11%) thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà vùng hỗ trợ trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50) vẫn được giữ vững và lực cầu trong vùng này vẫn tốt. Kháng cự gần nhất của thị trường là ngưỡng tâm lý 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 1/4, VN-Index có thể sẽ tiếp tục hồi phục để hướng đến ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.480-1.485 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Kinh tế quý I qua những con số

GDP quý I/2022 tăng 5,03%, cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế. CPI tăng 1,92% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giá xăng, dầu và gas tăng theo giá thế giới. 3 tháng đầu năm, Việt Nam xuất siêu hơn 800 triệu USD. Doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong quý I tăng gần 74% so với cùng kỳ. Tổng vốn FDI đăng ký cấp mới giảm tháng thứ 2 liên tiếp, ước đạt 8,91 tỷ USD.



## TIN TRONG NƯỚC

<b>Giá vàng trong nước đi ngang</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 67,9 - 68,75 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) ngày 31/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.100 VND/USD, giảm 35 đồng so với hôm qua.

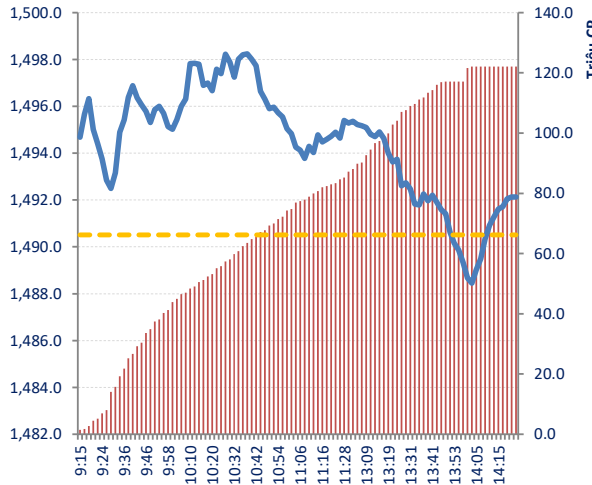
## TIN QUỐC TẾ

<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 9,7 USD/ounce tương ứng với 0,5% xuống 1.923,8 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,302 điểm tương ứng 0,31% lên 98,177 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1124 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3115 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 122,1 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 5,44 USD/thùng tương ứng với 5,06% xuống 102,22 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/3, Dow Jones giảm 65,38 điểm tương ứng với 0,19% xuống 35.228,81 điểm. Nasdaq giảm 177,36 điểm tương đương 1,21% xuống 14.442,28 điểm. Nasdaq Composite giảm 29,15 điểm tương đương 0,63% xuống 4.602,45 điểm.

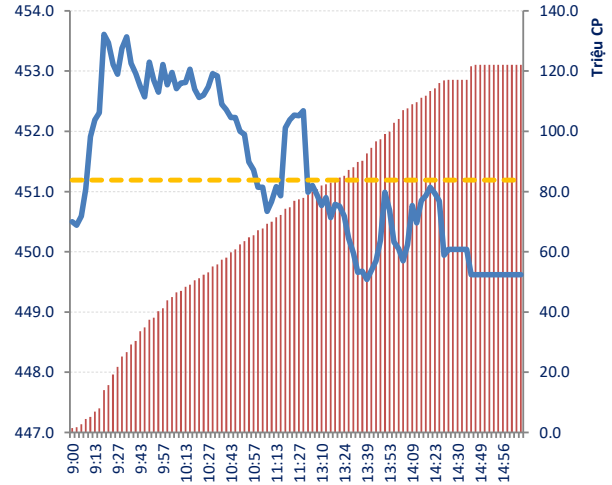


### THÔNG KÊ GIAO DỊCH

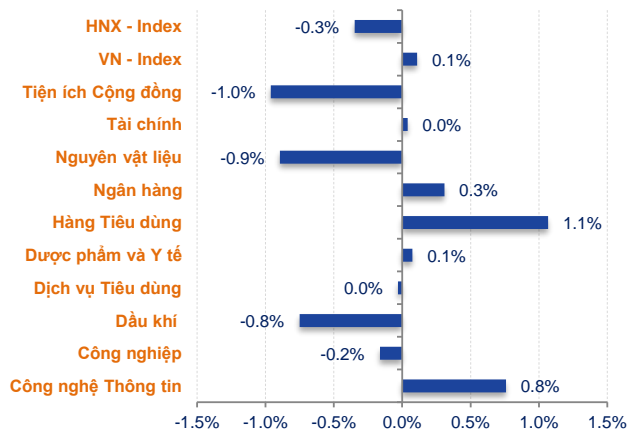
#### KLGD và VN-Index trong phiên



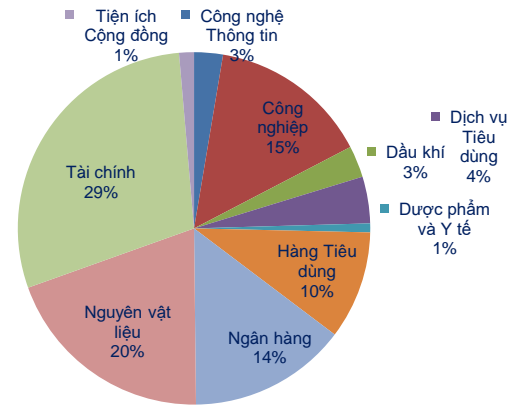
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



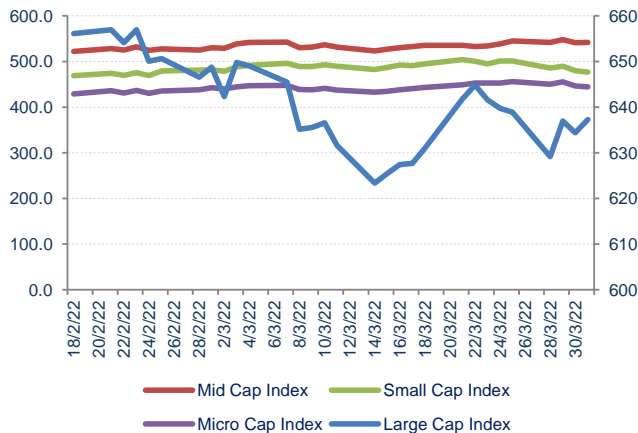
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



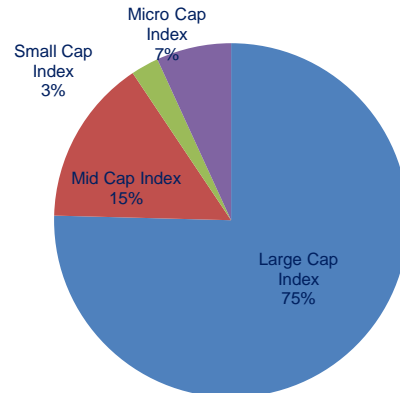
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VNM	2,751,300	VHM	2,066,900
2	VRE	1,325,600	HHS	985,300
3	DCM	959,800	E1VFN30	589,600
4	DGC	787,500	PVD	566,600
5	HDB	643,600	DLG	463,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBG	110,000	NVB	307,300
2	KLF	60,200	SHS	118,400
3	TA9	54,900	PTS	25,800
4	PVI	51,000	DNP	20,000
5	PLC	49,000	PHP	12,700

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HQC	9.35	8.70	↓ -6.95%	25,325,400
EIB	37.40	36.90	↓ -1.34%	25,280,200
HAG	13.65	13.10	↓ -4.03%	21,003,300
MBB	32.65	32.95	↑ 0.92%	19,204,300
HPG	45.50	45.10	↓ -0.88%	19,047,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	5.40	5.00	↓ -7.41%	19,787,498
IDC	75.00	80.10	↑ 6.80%	10,598,776
ART	8.80	8.00	↓ -9.09%	10,350,272
PVS	35.70	34.70	↓ -2.80%	7,774,188
HUT	38.70	34.90	↓ -9.82%	7,628,064

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	101.60	108.70	7.10	↑ 6.99%
TIP	51.60	55.20	3.60	↑ 6.98%
VGC	60.60	64.80	4.20	↑ 6.93%
TNC	41.80	44.70	2.90	↑ 6.94%
OGC	18.05	19.30	1.25	↑ 6.93%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVN	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
VNT	65.00	71.50	6.50	↑ 10.00%
DNC	76.20	83.80	7.60	↑ 9.97%
KSD	11.10	12.20	1.10	↑ 9.91%
TTT	49.60	54.50	4.90	↑ 9.88%

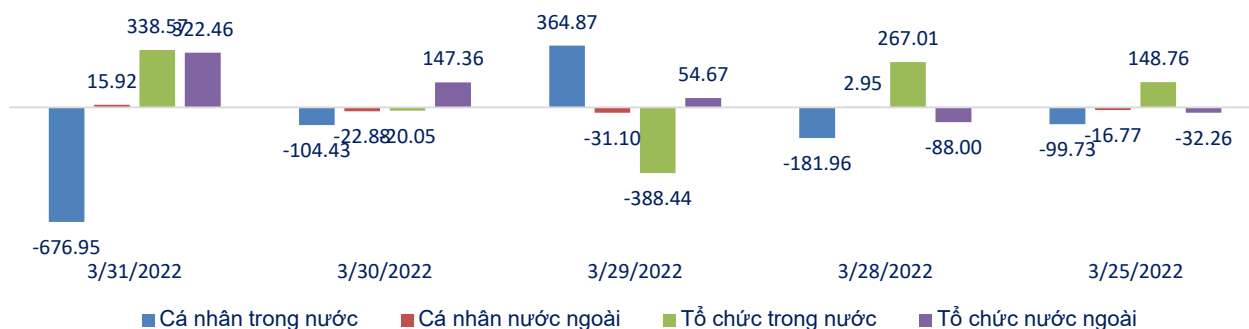
## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ROS	7.59	7.06	-0.53	↓ -6.98%
JVC	12.90	12.00	-0.90	↓ -6.98%
HQC	9.35	8.70	-0.65	↓ -6.95%
NVT	32.40	30.15	-2.25	↓ -6.94%
HAI	5.47	5.09	-0.38	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VTC	26.00	23.40	-2.60	↓ -10.00%
THS	35.00	31.50	-3.50	↓ -10.00%
VKC	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
VC9	24.10	21.70	-2.40	↓ -9.96%
DNM	68.40	61.60	-6.80	↓ -9.94%

(\*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	67.33	35.3%	9,036	8.4	2.5
MSN	37.06	25.4%	7,269	19.8	4.0
MWG	33.78	27.3%	6,893	21.0	5.1
PDR	32.26	28.0%	3,826	23.7	5.7
APH	27.77	1.1%	224	127.5	1.2

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-234.07	30.3%	5,042	15.1	4.4
DGC	-176.17	45.9%	13,959	16.6	7.7
TCB	-85.86	21.5%	5,144	9.6	2.0
CTG	-73.96	15.7%	2,932	10.9	1.6
MBB	-73.93	22.6%	3,361	9.7	2.0

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	8.80	46.0%	7,708	5.9	2.2
PVD	5.36	0.1%	46	773.6	1.1
VRE	5.03	4.4%	578	56.2	2.4
VCI	4.65	18.0%	2,083	27.5	3.0
FLC	4.13	0.7%	119	99.2	0.9

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HHS	-9.68	6.1%	785	14.3	0.9
TMS	-4.71	21.4%	7,611	16.1	3.6
HSG	-2.79	47.7%	8,931	4.1	1.6
VNM	-2.76	30.3%	5,042	15.1	4.4
MIG	-2.74	13.6%	1,565	17.1	2.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	88.60	35.3%	9,036	8.4	2.5
TCB	85.86	21.5%	5,144	9.6	2.0
MBB	74.10	22.6%	3,361	9.7	2.0
HPG	60.17	46.0%	7,708	5.9	2.2
CTG	56.50	15.7%	2,932	10.9	1.6

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-33.78	27.3%	6,893	21.0	5.1
VIC	-25.73	-1.9%	(717)	-	1.9
DBC	-21.68	18.7%	7,198	10.4	1.8
STB	-20.53	10.8%	1,855	17.4	1.8
APH	-18.38	1.1%	224	127.5	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	220.98	30.3%	5,042	15.1	4.4
DGC	182.06	45.9%	13,959	16.6	7.7
DCM	42.16	26.4%	3,444	12.9	3.2
VRE	39.31	4.4%	578	56.2	2.4
DXG	20.38	10.3%	1,939	23.8	2.1

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-155.73	35.3%	9,036	8.4	2.5
MSN	-42.83	25.4%	7,269	19.8	4.0
PDR	-31.23	28.0%	3,826	23.7	5.7
HPG	-26.27	46.0%	7,708	5.9	2.2
PVD	-25.01	0.1%	46	773.6	1.1



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HQC	25,325,400	0.1%	9	1,072.4	1.0
EIB	25,280,200	3250.0%	785	47.6	2.6
HAG	21,003,300	2.8%	219	62.4	2.7
MBB	19,204,300	22.6%	3,361	9.7	2.0
HPG	19,047,300	46.0%	7,708	5.9	2.2

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	19,787,498	0.4%	40	133.7	0.5
IDC	10,598,776	9.6%	1,508	49.7	4.8
ART	10,350,272	3.0%	350	25.2	0.8
PVS	7,774,188	4.7%	1,260	28.3	1.4
HUT	7,628,064	1.8%	227	170.8	3.5

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PDN	↑ 7.0%	23.4%	8,681	11.7	2.7
TIP	↑ 7.0%	13.8%	3,470	14.9	2.0
VGC	↑ 6.9%	15.9%	2,729	22.2	3.3
TNC	↑ 6.9%	11.5%	2,040	20.5	2.4
OGC	↑ 6.9%	11.0%	482	37.5	3.9

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVN	↑ 10.0%	0.4%	39	259.2	0.9
VNT	↑ 10.0%	5.7%	926	70.2	3.9
DNC	↑ 10.0%	34.6%	5,123	14.9	5.5
KSD	↑ 9.9%	17.3%	1,600	6.9	1.1
TTT	↑ 9.9%	1.4%	1,182	42.0	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	2,751,300	30.3%	5,042	15.1	4.4
VRE	1,325,600	4.4%	578	56.2	2.4
DCM	959,800	26.4%	3,444	12.9	3.2
DGC	787,500	45.9%	13,959	16.6	7.7
HDB	643,600	21.8%	3,031	9.3	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBG	110,000	10.6%	1,134	12.8	1.3
KLF	60,200	0.4%	40	133.7	0.5
TA9	54,900	12.9%	1,579	10.1	1.3
PVI	51,000	11.2%	3,722	14.8	1.8
PLC	49,000	12.0%	1,940	25.8	3.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	388,066	21.3%	4,629	17.7	3.5
VHM	330,061	35.3%	9,036	8.4	2.5
VIC	309,310	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	220,299	12.7%	2,090	20.8	2.6
GAS	210,726	17.1%	4,531	24.3	4.0

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	58,870	21.8%	2,805	60.0	9.3
KSF	32,190	9.0%	1,373	78.1	5.4
IDC	22,500	9.6%	1,508	49.7	4.8
NVB	19,934	0.0%	3	11,169.7	3.3
VCS	19,200	40.6%	11,096	10.8	3.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	4.73	15.3%	2,210	43.0	6.2
NHA	4.54	0.8%	78	781.4	6.0
DRH	4.52	1.6%	222	89.8	1.5
NBB	4.45	17.5%	3,842	8.0	1.7
SGR	4.44	4.8%	580	51.7	2.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.74	7.0%	343	39.1	2.6
VC7	2.87	2.6%	354	65.2	2.2
CEO	2.85	2.7%	362	182.1	4.8
L14	2.81	39.0%	8,000	42.4	12.1
L18	2.58	7.1%	935	62.5	4.2



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)